

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý III và phương hướng nhiệm vụ quý IV năm 2019

Thực hiện Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 21/01/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng về thực hiện cải cách hành chính năm 2019; Công văn số 1699/SNV-CCHC ngày 13/8/2018 của Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng về việc hướng dẫn xây dựng báo cáo định kỳ cải cách hành chính;

UBND huyện báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý III và phương hướng, nhiệm vụ quý IV năm 2019 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Công tác chỉ đạo điều hành công tác cải cách hành chính được huyện quan tâm, chú trọng thực hiện. Trong năm 2019, căn cứ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh Sóc Trăng về thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2016 – 2020; Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 21/01/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng về thực hiện cải cách hành chính năm 2019, UBND huyện đã chỉ đạo phòng Nội vụ tham mưu xây dựng, ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 22/01/2019 về thực hiện cải cách hành chính năm 2019; Ban hành Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 22/01/2019 về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2019; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 01/02/2019 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019; Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 28/3/2019 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2019; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 29/3/2019 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2019. Trên cơ sở các Kế hoạch được phê duyệt, UBND huyện đã tổ chức triển khai đến các phòng, ban ngành và UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện theo nội dung kế hoạch đề ra.

UBND huyện đã thông báo triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện (80 thủ tục) góp phần nâng cao công tác cải cách hành chính và phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp. Đồng thời, cũng đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 30-CT/HU ngày 27/02/2018 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường trao đổi văn bản điện tử trên môi trường mạng trong hoạt động của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trên địa bàn.

II. KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐẠT ĐƯỢC:

1. Danh sách cán bộ, công chức phụ trách cải cách hành chính

S T T	Nội dung	Họ tên	Chức vụ	Email/điện thoại
1	Lãnh đạo phụ trách cải cách hành chính	Lưu Hữu Danh	Chủ tịch UBND huyện	0939150404
2	Công chức phụ trách tham mưu cải cách hành chính	Trương Thành Đồng	Trưởng phòng Nội vụ	0918947236
3	Công chức phụ trách tham mưu CNTT	Nguyễn Đặng Phương Tín	Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND huyện	0939989990

2. Kết quả triển khai thực hiện 06 nhiệm vụ cải cách hành chính và một số nhiệm vụ khác:

(Kèm theo mẫu 1B, 2B, 3B, 4B, 5B, 6B, 7B, 8B, 9B, 10B, 11B, 13B, 14)

3. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 5/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ:

Trong thời gian qua, UBND huyện luôn chú trọng nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội và được các doanh nghiệp hưởng ứng, đánh giá cao. UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phát huy tính chủ động, sáng tạo và thực hiện hiệu quả chủ đề cải cách hành chính của tỉnh là “Nâng cao đạo đức công vụ, chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức”; tổ chức thực hiện tốt công tác tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh CCHC, tạo môi trường thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là trong chỉ đạo, điều hành và hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.

Ngoài ra, thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính. UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 30/10/2015 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg, ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính. Theo đó đã xác định cụ thể nhiệm vụ và phân công rõ trách nhiệm thực hiện của người đứng đầu trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn huyện trong việc thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính; chỉ đạo Thủ trưởng các phòng, ban ngành và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn tiếp tục triển khai thực hiện tuyên truyền cải cách hành chính trên các lĩnh vực; thực hiện nghiêm quy định về tiếp dân; nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra công vụ; việc đánh giá của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính, thái độ phục vụ của cán bộ, công

chức; rà soát các quy định, thủ tục hành chính còn bất cập, chồng chéo, vướng mắc để kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ; xây dựng thái độ chuẩn mực, phong cách phục vụ tận tụy của công chức... Triển khai việc thực hiện thư xin lỗi đối với những hồ sơ giải quyết trễ hạn đối với người đứng đầu các đơn vị.

Tổ chức kiểm tra 12 đơn vị (04 phòng, 08 xã, thị trấn), kết quả chưa phát hiện trường hợp vi phạm nào.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Một số công chức tại Bộ phận một cửa hiện nay còn hạn chế về nghiệp vụ, kỹ năng sử dụng phần mềm một cửa điện tử; một số xã, thị trấn cập nhật không thường xuyên kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm, do đó chưa phát huy được hiệu quả của phần mềm.

Việc niêm yết công khai thủ tục hành chính tuy có quan tâm nhưng do thủ tục thường xuyên thay đổi nên chưa cập nhật kịp thời những quy định mới.

Công tác phối hợp cũng như nhận thức tầm quan trọng đối với công tác cải cách hành chính của các phòng, ban ngành và UBND các xã, thị trấn chưa cao.

Việc tuyên truyền hướng dẫn người dân tham gia và sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 vẫn còn hạn chế; đồng thời tâm lý của người dân ngại tham gia thực hiện.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục hỗ trợ về kỹ thuật, cập nhật các thủ tục hành chính khi được Chủ tịch UBND tỉnh công bố mới, sửa đổi, bổ sung trên “Hệ thống một cửa điện tử” của huyện và các xã, thị trấn.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ IV NĂM 2019

Tiếp tục thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020; trong quý IV năm 2019, huyện tập trung vào các nội dung chủ yếu như sau:

1. Triển khai đồng bộ Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2016 - 2020 của UBND tỉnh.

2. Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện (cấp huyện, cấp xã).

3. Đôn đốc nhắc nhở sau kiểm tra công tác Cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn trên địa bàn huyện để kịp thời khắc phục thiếu sót, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, cải tiến lề lối, phương pháp làm việc và quy trình xử lý công việc trong nội bộ các cơ quan và giữa các cơ quan với nhau.

4. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính theo Chỉ thị số 13/CT-TTg, ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Đẩy mạnh tiến độ triển khai Đề án cải cách chế độ công vụ, công chức, thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính theo vị trí công việc và gắn với kết quả thực thi nhiệm vụ.

6. Tiếp tục thực hiện Đề án tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ.

7. Nâng cao chất lượng cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông hiện đại tại huyện và UBND các xã, thị trấn theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, đặc biệt là việc áp dụng chữ ký số trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

9. Tiếp tục thực hiện duy trì, cải tiến, áp dụng theo Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính cấp huyện, cấp xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

10. Thực hiện tốt Kế hoạch tuyên truyền công tác Cải cách hành chính. Tập trung nghiên cứu xây dựng phương án xã hội hóa, huy động các nguồn lực phục vụ các lĩnh vực nhằm nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công của địa phương.

11. Triển khai thực hiện đánh giá Chỉ số cải cách hành chính tại UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính quý III và phương hướng, nhiệm vụ quý IV năm 2019 trên địa bàn huyện Trần Đề báo cáo Sở Nội vụ biết, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Phòng Nội vụ;
- CV. NĐPT;
- Lưu: (NC-LT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Hữu Danh

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Biểu mẫu 1B

**Thống kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính
trên địa bàn huyện Trần Đề**

STT	Nội dung thống kê ¹	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc/UBND cấp xã			
1	Kiểm tra công tác CCHC	4	8	0	0	0
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước	0	0	0	0	0
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2015	0	0	0	0	0
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính	0	0	0	0	0
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,...)	0	0	0	0	0

¹ Từng nội dung kiểm tra, đơn vị phải đánh giá sơ bộ kết quả kiểm tra gồm mặt được, chưa được, đồng thời gửi kèm kế hoạch, báo cáo. Nội dung đánh giá sẽ nêu tại phần ghi chú này.

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Biểu mẫu 2B

Thống kê số liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh

STT	Nội dung thống kê	Tổng số	Ghi chú
1	Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND	0	
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo	0	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra	0	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL	0	
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền	0	
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật		
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý		
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo		
3	Rà soát VBQPPL	0	
-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	0	
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát	0	
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát	0	
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý	0	

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Biểu mẫu 3B

Thống kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại các đơn vị, địa phương

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có/Không	Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 22/01/2019
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC ²	266	
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử ³	266	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	00	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	00	

² UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

³ UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã đăng tải công khai của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Biểu mẫu 4B

Thống kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của từng sở, ban ngành, đơn vị tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã

Số T T	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)		Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú	
			Tồn g số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định			Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định	Số TTHC liên thông ⁴		Số TTHC liên thông ⁵ đọc
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cơ quan tỉnh	33			33			33		
	Lĩnh vực Đất đai	33			33			33		
II	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp huyện	266			266					
1	Lĩnh vực Kinh doanh khí	3	-	-	3	0	0	0	Quyết định số 2134/QĐ-UBND ngày 24/8/2018	
2	Lĩnh vực Quản lý công sản	2	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 14/6/2018	

⁴ Liên thông giữa các cơ quan hành chính cùng cấp trong giải quyết TTHC.

⁵ Liên thông giữa các cấp hành chính khác nhau trong giải quyết TTHC.

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Số T T	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tồn g số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang ⁴	Số TTHC liên thông đọc ⁵	
3	Lĩnh vực Tôn giáo	8	-	-	-	8	0	0	0	Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 13/3/2018
4	Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 21/3/2018
5	Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội	3	-	-	-	3	0	0	0	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 06/3/2018
6	Lĩnh vực Lao động, tiền lương, quan hệ lao động	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 06/3/2018
7	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	9	-	-	-	9	0	0	0	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 06/3/2018
8	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	12	-	-	-	12	0	0	0	Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 12/02/2018
9	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng	8	-	-	-	8	0	0	0	Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 17/10/2017
10	Lĩnh vực Tổ chức - Biên ché	3	-	-	-	3	0	0	0	Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 07/12/2015
11	Lĩnh vực tổ chức phi chính phủ	16	-	-	-	16	0	0	0	Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 23/11/2015
12	Lĩnh vực Hộ tịch	16	-	-	-	16	0	0	0	Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 12/6/2017

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Số T T	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tồn g số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang ⁴	Số TTHC liên thông đọc ⁵	
13	Lĩnh vực Chứng thực	12	-	-	-	12	0	0	0	Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 03/8/2018; số 1006/QĐ-UBND ngày 04/5/2017
14	Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
15	Lĩnh vực Giải quyết tố cáo	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
16	Lĩnh vực Tiếp công dân	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
17	Lĩnh vực Xử lý đơn thư	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
18	Lĩnh vực phòng chống tham nhũng	5	-	-	-	5	0	0	0	Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
19	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 2597/QĐ-UBND ngày 04/10/2018
20	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng	16	-	-	-	16	0	0	0	Quyết định 2252/QĐ-UBND ngày 23/9/2016; số 797/QĐHC-CTUBND ngày 14/8/2012; số 134/QĐ-UBND ngày 07/7/2009

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Số T T	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tồn g số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang ⁴	Số TTHC liên thông đọc ⁵	
21	Lĩnh vực Xây dựng	5	-	-	-	5	0	0	0	Quyết định số 790/QĐHC-CTUBND ngày 30/7/2014; số 2099/QĐ-UBND ngày 22/8/2018
22	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 790/QĐHC-CTUBND ngày 30/7/2014
23	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	36	-	-	-	36	0	0	0	Quyết định số 1731/QĐ- UBND ngày 18/7/2018
24	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 1491/QĐ- UBND ngày 26/6/2018
25	Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	4				4				Quyết định số 1491/QĐ- UBND ngày 26/6/2018
26	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	1				1				Quyết định số 134/QĐ- UBND ngày 07/7/2009
27	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh	5	-	-	-	5	0	0	0	Quyết định số 1599/QĐ- UBND ngày 06/7/2018

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Số T T	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tồn g số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang ⁴	Số TTHC liên thông đọc ⁵	
28	Lĩnh vực Môi trường	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 6/7/2018
29	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động hợp tác xã	19	-	-	-	19	0	0	0	Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 07/4/2016
30	Lĩnh vực Đầu thầu	4	-	-	-	4	0	0	0	Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 06/7/2018
31	Lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 14/01/2016
32	Lĩnh vực Đăng ký đất đai	15	-	-	-	15	0	0	0	Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 09/4/2018; số 2489/QĐ-UBND ngày 28/10/2015
33	Lĩnh vực Đăng ký giao dịch bảo đảm	6	-	-	-	6	0	0	0	Quyết định số 1526/QĐHC-CTUBND ngày 31/12/2014
34	Lĩnh vực Đường bộ	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 14/8/2015
35	Lĩnh vực Đường thủy nội địa	9	-	-	-	9	0	0	0	Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 25/4/2015

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Số T T	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tồn g số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang ⁴	Số TTHC liên thông đọc ⁵	
36	Lĩnh vực Văn hóa quần chúng, văn hóa dân tộc và tuyên truyền cổ động	4				4				Quyết định số 267/QĐ- UBND ngày 29/01/2015
37	Lĩnh vực Thư viện	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 1911/QĐ- UBND ngày 06/8/2018
38	Lĩnh vực Gia đình	6	-	-	-	6	0	0	0	Quyết định số 1911/QĐ- UBND ngày 06/8/2018
39	Lĩnh vực Nông nghiệp	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 134/QĐ- UBND ngày 07/7/2009
40	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật đô thị	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định 134/QĐ- UBND ngày 07/7/2009
41	Lĩnh vực Người có công	5	-	-	-	5	0	0	0	Quyết định số 893/QĐ- UBND ngày 16/4/2018; số 134/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
42	Lĩnh vực Quản lý tài sản nhà nước	5	-	-	-	5	0	0	0	Quyết định số 134/QĐ- UBND ngày 07/7/2009
43	Lĩnh vực Kế toán, kiểm toán	4	-	-	-	4	0	0	0	Quyết định số 134/QĐ- UBND ngày 07/7/2009
44	Lĩnh vực giá	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 134/QĐ- UBND ngày 07/7/2009

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Số T T	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tồn g số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang ⁴	Số TTHC liên thông đọc ⁵	
III	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã ⁶	III				III	2	2		
1	Hộ tịch	19	-	-	-	19	2	2	0	Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 12/6/2017; Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 15/8/2017
2	Nuôi con nuôi	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 12/6/2017
3	Chứng thực	11	-	-	-	11	0	0	0	Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 04/5/2017; Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 06/8/2018
4	Giải quyết khiếu nại	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 12/4/2017
5	Giải quyết tố cáo	1	-	-	-	1	0	0	0	Như trên
6	Tiếp công dân	1	-	-	-	1	0	0	0	Như trên
7	Xử lý đơn thư	1	-	-	-	1	0	0	0	Như trên

⁶ UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Số T T	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang ⁴	Số TTHC liên thông đọc ⁵	
8	Phòng chống tham nhũng	5	-	-	-	5	0	0	0	Như trên
9	Bồi thường nhà nước	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 02/3/2017
10	Giáo dục và đào tạo	5	-	-	-	5	0	0	0	Quyết định số 1669/QĐ-UBND ngày 16/7/2018
11	Văn hoá cơ sở	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 30/5/2016
12	Thư viện	1	-	-	-	1	0	0	0	Như trên
13	Thể dục thể thao	1	-	-	-	1	0	0	0	Như trên
14	Môi trường	6	-	-	-	6	0	0	0	Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 07/7/2009; Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 07/4/2016; Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 12/3/2018;
15	Thi đua khen thưởng	5	-	-	-	5	0	0	0	Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 31/12/2015
16	Dân số và Kế hoạch hóa gia đình	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 2809/QĐ-UBND ngày 04/12/2015
17	Tôn giáo	8	-	-	-	8	0	0	0	Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 13/3/2018

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Số T T	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tồn g số	Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định		Tổng số	Số TTHC liên thông ngang ⁴	Số TTHC liên thông đọc ⁵	
18	Đăng ký đất đai	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 28/10/201
19	Đường thủy nội địa	9	-	-	-	9	0	0	0	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 25/4/2015
20	Phòng chống tệ nạn xã hội	4	-	-	-	4	0	0	0	Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 13/3/2018
21	Người có công	6	-	-	-	6	0	0	0	Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 07/7/2009; Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 13/3/2018
22	Bảo trợ xã hội	9	-	-	-	9	0	0	0	Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 13/3/2018; Quyết định số 807/QĐ-UBND ngày 05/4/2018
23	Dân tộc	3	-	-	-	3	0	0	0	Như trên
24	Hạ tầng kỹ thuật đô thị	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 07/7/2009
25	Phát triển công nghiệp và thương mại địa phương	2	-	-	-	2	0	0	0	Như trên
26	Hành chính tư pháp	1	-	-	-	1	0	0	0	Như trên
27	Trồng trọt	1	-	-	-	1	0	0	0	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 6/02/2018

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Số T T	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang ⁴	Số TTHC liên thông đọc ⁵	
28	Bảo vệ thực vật	1	-	-	-	1	0	0	0	Như trên
29	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	1	-	-	-	1	0	0	0	Như trên
30	Phổ biến giáo dục pháp luật	2	-	-	-	2	0	0	0	Quyết định số 682/QĐ- UBND ngày 21/3/2018
Tổng số = (I) + (II) + (III)		410	-	-	-	410	0	0	0	

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Biểu mẫu 5B

Thống kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp sở ngành, cấp huyện

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết					Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn ⁷	Tổng số	Chưa đến hạn		Quá hạn ⁸
(1)	(2)	(4)	(5)	(3)=(4)+(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	3.353	1.255	2.098	1.774	1.343	431	1.579	1.579	0	
II	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã ⁹	22.720	0	22.635	22.608	22.590	18	112	23	0	
I	Thị trấn Lịch H.Thượng	1.955	0	1.955	1.955	1.955	0	0	0	0	

⁷ Nếu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

⁸ Nếu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

⁹ UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

2	Thị trấn Trần Đề	5525	0	5525	5525	5525	0	0	0	0	0	
3	Xã Đại Ân 2	2694	0	2694	2694	2690	4	0	0	0	0	
4	Xã Trung Bình	828	85	743	716	702	14	112	23	0	0	
5	Xã Lịch Hội Thượng	1683	0	1683	1683	1683	0	0	0	0	0	
6	Xã Liêu Tú	2140	0	2140	2140	2140	0	0	0	0	0	
7	Xã Viên Bình	1532	0	1532	1532	1532	0	0	0	0	0	
8	Xã Viên An	2018	0	2018	2018	2018	0	0	0	0	0	
9	Xã Tài Văn	1366	0	1366	1366	1366	0	0	0	0	0	
10	Xã Thạnh Thới An	751	0	751	751	751	0	0	0	0	0	
11	Xã Thạnh Thới Thuận	2228	0	2228	2228	2228	0	0	0	0	0	
Tổng số = (I) + (II)		26.073	1.340	24.733	24.382	23.933	449	1.691	1.602	0	0	

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính (Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Biểu mẫu 6B

Thống kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại sở ban ngành, UBND cấp huyện

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc ¹⁰		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tình gián biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ¹¹		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ¹²		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tình gián biên	
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn ¹³			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn ¹⁴					
I	Các cơ quan tỉnh															
II	UBND cấp huyện	12	0	03	0	03	0	32	0	01	0	78			4	
III	UBND cấp xã ¹⁵	11	0					117	0	01	0	230	11		0	
Tổng số = (I) + (II) + (III)		23	0	03	0	03	0	149	0	02	0	308			4	

¹⁰ Nếu lý do tăng, giảm (do sáp xếp, thành lập mới, giải thể,...)

¹¹ Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

¹² Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

¹³ Nếu rõ thiếu chuẩn nào

¹⁴ Nếu rõ thiếu chuẩn nào

¹⁵ UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Biểu mẫu 7B

Thống kê số liệu về CBCCVV tại từng sở ban ngành, UBND cấp huyện

STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVC hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng ¹⁶ CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVC		Điều động, chuyển công tác CB CC VC ¹⁷	Năng lượng theo thẩm quyền	
		Biên chế	HD chuyển ền môn		Đào tạo ¹⁸	Bồi dưỡng nghiệp vụ ¹⁹	Có KH tuyển dụng	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng ²⁰	Không qua thi/ tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên ²¹		TX ²²	TH ²³
I	Các cơ quan tỉnh																
II	UBND cấp huyện	78	0	78	0	22	0	0	0	có	0	0	0	0	0	01	0
III	UBND cấp xã ²⁴	230	0	230	0	72	0	0	0	0	0	0	0	02	0	05	0

¹⁶ Thống kê số lượng, không thống kê số lượt được đào tạo, bồi dưỡng

¹⁷ Thống kê chi tiết tại đây

¹⁸ Thống kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVV được cử học tiến sĩ, thạc sĩ, CK1, CK2, đại học,...

¹⁹ Thống kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVV tham gia bồi dưỡng theo từng chuyên đề

²⁰ Thống kê đơn vị chấp hành quy định về tuyển dụng CC, VC/tổng số đơn vị thực hiện tuyển dụng

²¹ Thống kê rõ tại đây bao nhiêu CBCCVV bị xử lý kỷ luật ở từng mức độ

²² Thường xuyên

²³ Trước hạn

²⁴ UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Biểu mẫu 8B

**Thống kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức,
công vụ tại các đơn vị, địa phương**

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	12	12/12
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	12	12/12
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	06	06/06
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	06	06/06
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	06	06/06

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Biểu mẫu 9B

Thống kê số liệu về cải cách tài chính công tại sở ngành, UBND cấp huyện

STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	30/30	0	Ghi rõ số đơn vị đã triển khai/tổng số đơn vị
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.			
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư			
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	01/55	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên			
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	54/55	0	

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Biểu mẫu 10B

Thống kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại các sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4				Ghi chú	
		Trong đó				Hồ sơ đã tiếp nhận				Hồ sơ đã tiếp nhận					
		Tổng số văn bản đi	Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử	Số văn bản phát hành VB giấy + điện tử	Tổng số TTHC đã cung cấp	Tổng số TTHC đã giải quyết	Tổng số TTHC đã giải quyết	Tổng số TTHC đã giải quyết	Tổng số TTHC đã cung cấp	Tổng số TTHC đã giải quyết	Tổng số TTHC đã giải quyết	Tổng số TTHC đã cung cấp		Tổng số TTHC đã giải quyết
I	UBND cấp huyện	2.438	1.332	1.106	2.438										
II	UBND cấp xã ²⁵	1.031	749	119	775										
01	Thị trấn Lịch H.Thượng	22	22	0	22										

²⁵ UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện chi tiết đối với từng xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền quản lý

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

02	Thị trấn Trần Đề	70	70	0	70														
03	Xã Đại Ân 2	68	68	0	68														
04	Xã Trung Bình	190	190	0	190														
05	Xã Lịch Hội Thượng	25	21	4	23														
06	Xã Liêu Tú	24	24	0	24														
07	Xã Viên Bình	58	30	0	28														
08	Xã Viên An	159	44	115	159														
09	Xã Tài Văn	56	56	0	56														
10	Xã Thạnh Thới An	91	59	0	32														
11	Xã Thạnh Thới Thuận	268	165	0	103														
Tổng I+II=		5.216	3.848	1.201	4.840														

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Biểu mẫu 11B

Thống kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) tại các đơn vị, địa phương

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
<i>II</i>	<i>UBND cấp huyện</i>	93	0	0	Đã đăng ký danh mục, tuy nhiên chưa được UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố đối với huyện Trần Đề
<i>II</i>	<i>UBND cấp xã²⁶</i>	0	0	0	
Tổng (I) + (II)		93	0	0	

²⁶ UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện chi tiết đối với từng xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền quản lý

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Biểu mẫu 12

Thống kê tình hình cập nhật thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử

STT	Nội dung thống kê ²⁷	Số lượng			Ghi chú
		Tiếp nhận	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết trễ hạn	
I	Cấp huyện	3.353	1.774	431	
II	Cấp xã	22.720	22.608	18	

²⁷ Ghi rõ thời gian kiểm tra, thống kê trên hệ thống

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Biểu mẫu 13B

Thống kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 tại sở, ngành. UBND cấp huyện

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
I	Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO	11/11	
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO	11/11	
II	Duy trì, cải tiến hệ thống		
1	Thực hiện công bố lại ISO	Có	Có công bố tại quyết định 3526/QĐHC-CTUBND ngày 29/11/2019 của Chủ tịch UBND huyện Trần Đề
2	Thực hiện đánh giá nội bộ	Có	
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có	
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	Có	
5	Nội dung khác		

PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Trần Đề)

Biểu mẫu 14

Thống kê tình hình tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

STT	Nội dung thống kê	Số lượng					Ghi chú ²⁸
		Tiếp nhận			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	
		Tổng	Thuộc thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền giải quyết ²⁹			
I	Cấp huyện	93	85	8	27	0	
II	Cấp xã ³⁰	11	11	0	11	0	

²⁸ Nêu rõ lý do giải quyết kéo dài hoặc chưa giải quyết

²⁹ Đã chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền bao nhiêu trường hợp

³⁰ Cấp huyện báo cáo cụ thể đối với từng xã, phường, thị trấn